

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH- MARKETING

TRẦN THỊ HUYỀN LAN

TÁC ĐỘNG CỦA CHI TIÊU CÔNG
ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA CÁC ĐỊA
PHƯƠNG TẠI VIỆT NAM

Chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng
Mã số ngành: 9340201

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2024

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Tài chính – Marketing

Người hướng dẫn khoa học 1: TS. Nguyễn Văn Thuận

Người hướng dẫn khoa học 2: TS. Nguyễn Đức Thanh

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp trường họp tại

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu Luận án tại thư viện: Thư viện Đại học Tài chính – Marketing

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

Tạp chí trong nước:

1. Bài báo thứ nhất:

Tên tác giả: Trần Thị Huyền Lan;

Năm xuất bản: Năm 2022;

Tên bài báo: Ngưỡng chi tiêu công tối ưu cho các vùng kinh tế Việt Nam;

Tên tạp chí: Kinh tế và dự báo, tập số 36, xuất bản tháng 12 năm 2022 từ trang 3 đến trang 6.

2. Bài báo thứ hai:

Tên tác giả: Trần Thị Huyền Lan;

Năm xuất bản: Năm 2021;

Tên bài báo: Giải pháp cải thiện chi tiêu công cấp tỉnh nhằm khôi phục tăng trưởng kinh tế tại địa phương;

Tên tạp chí: Quản lý ngân quỹ quốc gia, tập số 232, xuất bản tháng 10 năm 2021 từ trang 8 đến trang 11.

TÁC ĐỘNG CỦA CHI TIÊU CÔNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG TẠI VIỆT NAM

1. Lý do chọn đề tài

Chi tiêu công là một công cụ chủ yếu trong chính sách tài khóa của chính phủ để điều tiết nền kinh tế vĩ mô, được sử dụng như một công cụ hữu hiệu để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của nhà nước kích thích các hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên hiệu quả của chi tiêu công tác động đến tăng trưởng kinh tế ở cấp quốc gia nói chung và các vùng lãnh thổ/các địa phương nói riêng vẫn còn nhiều vấn đề đang tranh luận. Tại quốc gia này việc tăng chi tiêu công mang lại hiệu quả thúc đẩy tăng trưởng kinh tế phát triển nhưng tại một quốc gia khác cũng áp dụng chính sách chi tiêu công đó lại cho kết quả ngược lại. Có quốc gia áp dụng chính sách thắt chặt chi tiêu công thì thành công nhưng ở quốc gia khác lại thất bại.

Vai trò của chi tiêu công tác động đến tăng trưởng kinh tế cũng không thể được giải thích duy nhất bởi một trường phái và là một chủ đề gây nhiều tranh cãi ([Grier & Tullock, 1989](#)). Có quan điểm cho rằng chi tiêu công thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc thực hiện hai chức năng chính là đảm bảo an ninh và cung ứng dịch vụ công, giúp ổn định môi trường kinh tế - xã hội, cải thiện cơ sở hạ tầng,... từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Knack & Keefer, 1995). Tuy nhiên, quan điểm khác không thống nhất cho rằng chi tiêu công có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế do có sự bóp méo trong phân chia nguồn lực kinh tế, được chuyển từ khu vực tư nhân có năng suất cao sang khu vực công có năng suất thấp hơn nghĩa là xuất hiện sự chèn lấn đầu tư tư nhân và làm chậm tiến trình đổi mới (Mitchell, 2005). Quan điểm thứ ba cho rằng cho rằng tác động của chi tiêu công lên tăng trưởng kinh tế là tiêu cực hoặc không có liên quan (Akpan, 2005; Landau, 1983). Tuy nhiên, quan

điểm khác cho rằng tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế không đơn thuần chỉ tích cực hay tiêu cực mà có thể bao gồm cả hai, phụ thuộc vào qui mô chi tiêu công (Barro, 1990) (Armey, 1995).

Dựa trên nền tảng lý thuyết, các quan điểm và cách tiếp cận khác nhau; tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu thực nghiệm để phân tích tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế của một quốc gia đang phát triển là Việt Nam với dữ liệu nghiên cứu chủ yếu về chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế địa phương (được tính bằng GRDP- Tổng sản phẩm trên địa bàn) của 63 tỉnh/thành phố được phân chia theo 6 vùng kinh tế - xã hội.

Xuất phát từ những lý luận và thực tiễn trên, tác giả đã chọn đề tài: ***“Tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế của các địa phương tại Việt Nam”*** làm đề tài nghiên cứu Luận án tiến sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung của luận án là đánh giá hiệu quả và tác động của chi tiêu công, các thành phần của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế tại các địa phương/các vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam xét trong bối cảnh có sự thay đổi của Luật ngân sách nhà nước, tác động của Đại dịch Covid-19 và thể chế chính quyền địa phương. Ngoài ra, tác giả còn dựa trên các bằng chứng thực nghiệm để xác định ngưỡng chi tiêu công tối ưu cho 6 vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam. Từ đó, đưa ra các khuyến nghị và hàm ý chính sách trong quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước tiết kiệm và hiệu quả, góp phần tăng trưởng kinh tế địa phương.

Để thực hiện mục tiêu chung, Luận án đề ra các mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu cụ thể thứ 1: Tìm hiểu thực trạng và phân tích tác động của chi tiêu công, hiệu quả của chi tiêu công đối với tăng trưởng kinh tế tại các địa

phương của Việt Nam xét trong bối cảnh có sự thay đổi của Luật ngân sách nhà nước và tác động của Đại dịch Covid - 19.

Mục tiêu cụ thể thứ 2: Phân tích tác động của các yếu tố thể chế đến tăng trưởng kinh tế của các địa phương của Việt Nam xét trong bối cảnh có sự thay đổi của Luật ngân sách nhà nước và tác động của Đại dịch Covid - 19.

Mục tiêu cụ thể thứ 3: Phân tích và xác định ngưỡng chi tiêu công tối ưu cho các vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể thứ 4: Đề xuất các giải pháp quản lý chi tiêu công hiệu quả thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại các địa phương của Việt Nam.

3. Khoảng trống nghiên cứu

Thứ nhất, bằng việc nghiên cứu mối liên hệ giữa chi tiêu công với tăng trưởng kinh tế giữa 2 chu kỳ ngân sách trong bối cảnh của Đại dịch Covid - 19, tác giả tập trung giải quyết khoảng trống nghiên cứu thứ nhất, đó là *“Phân tích, đánh giá tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế của các địa phương và các vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam trước và sau sự ra đời của Luật ngân sách nhà nước năm 2015”*.

Thứ hai, bằng việc phân tích kết quả nghiên cứu thực nghiệm về ngưỡng chi tiêu công tối ưu cho 6 vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam, tác giả tập trung giải quyết khoảng trống nghiên cứu thứ hai, đó là *“Phân tích và xem xét tác động ngưỡng giữa chi tiêu công với tăng trưởng kinh tế trên bình diện quốc gia và các vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam”*.

Thứ ba, bằng các kết quả nghiên cứu thực nghiệm, tác giả tập trung giải quyết khoảng trống nghiên cứu thứ ba, đó là: *“Xem xét tác động của yếu tố chất lượng thể chế chính quyền các địa phương đến tăng trưởng kinh tế các địa phương”*.

Thứ tư, bằng việc nghiên cứu hai biến số chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh của 6 vùng kinh tế - xã hội có thể giúp tác giả đánh giá

sâu hơn tác động điều tiết của đặc tính vùng miền đối với tăng trưởng kinh tế. Từ đó, tác giả đưa ra các khuyến nghị liên quan tới các địa phương và các hàm ý cụ thể cho từng vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam để giải quyết khoảng trống nghiên cứu thứ tư: *“Phân tích tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế theo 6 vùng kinh tế - xã hội dựa trên dữ liệu nghiên cứu của 63 tỉnh thành phố của Việt Nam”*.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng trên hai phương pháp định tính và định lượng.

Phương pháp định tính: Luận án áp dụng cách tiếp cận xã hội học, tiếp thu kinh nghiệm thực tế và ý kiến chuyên sâu từ các chuyên gia, phân tích tình huống điển hình để giải quyết cho mục tiêu nghiên cứu số (1), (2) và (4).

Phương pháp nghiên cứu định lượng

Tác giả sử dụng những phương pháp ước lượng khác nhau dựa trên dữ liệu dạng bảng (bao gồm: Pooled Regression Model - Pooled OLS, Fixed Effects Model - FEM, Random Effects Model - REM) để ghi nhận tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế tại các địa phương/các vùng KT – XH. Sau đó, tác giả sẽ phân tích kết quả các kiểm định sai phạm mô hình: Kiểm định phương sai sai số thay đổi, kiểm định tự tương quan của phần dư và kiểm định tương quan giữa các phần dư của đơn vị chéo. Nếu kết quả cho thấy phương pháp được lựa chọn là RE thì cần thực hiện hai kiểm định là kiểm định nhân tử Lagrange và kiểm định tự tương quan của phần dư. Nếu kết quả lựa chọn là Pooled OLS, các kiểm định cần thiết được thực hiện như: Kiểm định đa cộng tuyến, phân phối chuẩn của phần dư hoặc phương sai sai số thay đổi. Tác giả dùng phương pháp Bayes để ước lượng các mô hình nghiên cứu khi xem xét sự tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế khi thay đổi Luật ngân sách nhà nước năm 2015. Phương pháp Bayes giả định rằng các tham số trong mô hình là ngẫu nhiên (Kruschke, 2011). Phương pháp Bayes

có ưu điểm xử lý được các hiện tượng của mô hình như sai số, phương sai thay đổi và tự tương quan đồng thời xác định được mức xác suất thay đổi của từng yếu tố tác động.

Để xác định ngưỡng chi tiêu công tối ưu cho các vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam, Luận án dùng hiệu ứng ngưỡng đề xuất bởi Hansen (Hansen, 1999). Sau đó, Wang (Wang, 2015) đã phát triển kiểm định này thì luận án sử dụng mô hình ước lượng Fixed Effect Panel Threshold nhằm xem xét sự tác động của biến độc lập đến biến phụ thuộc ở các miền trước và sau giá trị ngưỡng. Các phương pháp định lượng này giúp giải quyết các mục tiêu số (1), (2) và (3).

5. Mô hình nghiên cứu

5.1. Giả thuyết nghiên cứu:

Để giải quyết các mục tiêu, khoảng trống nghiên cứu và trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu đã đưa ra, luận án đưa ra các giả thuyết nghiên cứu cụ thể như sau:

Giả thuyết H1: Tỷ lệ tổng chi tiêu công bao gồm chi tiêu công nói chung, chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho các vùng/địa phương tại Việt Nam.

Giả thuyết H2: Tồn tại giá trị ngưỡng giữa chi tiêu công với tăng trưởng kinh tế cho các vùng/địa phương tại Việt Nam

Giả thuyết H3: Cải cách hành chính có tác động ngược chiều đến tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh/vùng của Việt Nam.

Giả thuyết H4: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có tác động cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh/vùng của Việt Nam.

5.2. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên mô hình của các nghiên cứu trước của Liu (Liu et al., 2020), Devarajan (Devarajan, Swaroop, & Zou, 1996), Nguyễn Hoàng Quy (Quy, 2017) tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu như sau:

$$GRDP_{(it)} = f(X_{j(it)}, GRDP_{i(t-1)}, Control_{it}) \quad (13)$$

Trong đó:

$GRDP_{(it)}$: Tăng trưởng kinh tế tại tỉnh i ở thời điểm t .

$GRDP_{i(t-1)}$: Độ trễ tăng trưởng kinh tế tại tỉnh i .

$X_{j(it)}$: Cơ cấu chỉ tiêu công so với GRDP tại tỉnh i ở thời điểm t . Có ba loại hình chỉ tiêu công được đề cập tới trong Luận án: Tổng chi tiêu công /GRDP: X_1 ($j = 1$), chi thường xuyên/GRDP: X_2 ($j = 2$) và chi đầu tư phát triển /GRDP: X_3 ($j = 3$).

$Control_{it}$: Biến kiểm soát. Trong đó:

Lao động: $CV_{1(it)}$,

Đầu tư ngoài khu vực NN: $CV_{2(it)}$,

Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: $CV_{3(it)}$,

Cải cách hành chính: $CV_{4(it)}$;

Tác động của Covid 19: $CV_{5(it)}$;

Thay đổi chu kỳ ngân sách (CKNS): $D_{6(it)}$

Tính toán các biến số trong mô hình nghiên cứu

(i) Biến phụ thuộc:

$$GRDP_{it} = \frac{RGRDP_{it} - RGRDP_{i(t-1)}}{RGRDP_{i(t-1)}} \quad (14)$$

Trong đó:

- $RGRDP_{it}$: GRDP thực tại tỉnh i vào thời điểm t
- $RGRDP_{i(t-1)}$: GRDP thực tại tỉnh i vào thời điểm $(t - 1)$

(ii) Các biến độc lập chính:

$$GRDP_{i(t-1)} = \frac{RGRDP_{i(t-1)} - RGRDP_{i(t-2)}}{RGRDP_{i(t-2)}} \quad (15)$$

$$X_{1it} = \frac{GTE_{it}}{GRDP_{it}} \quad (16)$$

$$X_{2it} = \frac{GRE_{it}}{GRDP_{it}} \quad (17)$$

$$X_{3it} = \frac{GID_{it}}{GRDP_{it}} \quad (18)$$

Trong đó:

$GRDP_{i(t-1)}$: Độ trễ tăng trưởng GRDP của tỉnh i tại thời điểm t

X_{1it} : Tỷ lệ tổng chi so với GRDP của tỉnh i tại thời điểm t

X_{2it} : Tỷ lệ chi thường xuyên so với GRDP của tỉnh i tại thời điểm t

X_{3it} : Tỷ lệ chi đầu tư phát triển so với GRDP của tỉnh i tại thời điểm t

GTE_{it} : Tổng chi của tỉnh i tại thời điểm t

$GRDP_{it}$: GRDP danh nghĩa của tỉnh i tại thời điểm t

(iii) Các biến kiểm soát:

$$CV_{1it} = \frac{Labours_{it}}{Population_{it}} \quad (19)$$

$$CV_{2it} = \frac{Investment_{it}}{GDP_{it}} \quad (20)$$

$$CV_{3it} = \ln(PCI_{it}) \quad (21)$$

$$CV_{4it} = \ln(PAPI_{it}) \quad (22)$$

Trong đó:

CV_{1it} : Tỷ lệ lao động so với tổng dân số của tỉnh i tại thời điểm t

CV_{2it} : Tỷ lệ đầu tư ngoài nhà nước so với GRDP của tỉnh i tại thời điểm t

CV_{3it} : Logarit của chỉ số PCI của tỉnh i tại thời điểm t

CV_{4it} : Logarit của chỉ số PAPI của tỉnh i tại thời điểm t

CV5it: Covid -19 của tỉnh i tại thời điểm t

D6it: Chu kỳ ngân sách (CKNS) của tỉnh i tại thời điểm t

Laboursit: Tổng số lao động của tỉnh i tại thời điểm t

Populationit: Tổng dân số của tỉnh i tại thời điểm t

Investmentit: Tổng số đầu tư ngoài nhà nước của tỉnh i tại thời điểm t

PCIit: Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh i tại thời điểm t

PAPIit: Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh i tại thời điểm t

6. Kết quả nghiên cứu và phân tích hồi quy

6.1. Trường hợp toàn bộ các tỉnh trên toàn quốc

6.1.1. Tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế

Kết quả hồi quy cả ba mô hình cho thấy các biến số như tổng chi tiêu công, chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển ở thời điểm hiện tại đều tác động âm và có ý nghĩa thống kê tới tăng trưởng kinh tế. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Landau ([Landau, 1985](#)) và Akpan ([Akpan, 2005](#)). Điều này hàm ý chính phủ sử dụng nguồn lực ở hiện tại để chi tiêu và nguồn lực này chưa lan tỏa được hiệu ứng ngay nên các hoạt động chi tiêu ở hiện tại có thể coi là chi phí và góp phần làm giảm tăng trưởng kinh tế. Kết quả này trái với các nghiên cứu trước về tăng trưởng kinh tế của Đặng Văn Cường và Bùi Thanh Hoài (Hoài, 2014); Nguyễn Thùy Dương ([Duong, 2018](#)); Lê Huy Đức ([Đức, 2020](#)); Nguyễn Thị Thùy Liên, ([Nguyen, 2022](#)). Kết quả này cũng bác bỏ giả thuyết H1.

Đáng chú ý là độ trễ của ba biến lại cho thấy tác động dương và có ý nghĩa thống kê. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Alexiou ([Alexiou, 2007](#)) và Corray ([Cooray, 2008](#)). Việc gia tăng chi tiêu công đã giúp kích thích nền kinh tế tuy nhiên cần phải có thời gian để hiệu quả của chi tiêu công thấm thấu vào nền kinh tế. Điều này hàm ý chính phủ sử dụng nguồn lực ở hiện tại để chi tiêu và nguồn lực này chưa lan tỏa được hiệu ứng ngay nên các hoạt động chi tiêu ở hiện tại có thể coi là chi phí và góp phần làm giảm tăng trưởng

kinh tế hoặc có thể xuất hiện hiệu ứng lần át. Có nghĩa là các chỉ tiêu công có thể lần át các hoạt động của khu vực tư nhân và từ đó làm cho kinh tế suy giảm. Tuy nhiên, sau một thời gian, những chỉ tiêu đã thấm thấu vào nền kinh tế và tạo ra hiệu ứng tích cực tới tăng trưởng.

6.1.2. Cải cách hành chính thông qua chỉ số PAPI về cải cách thủ tục hành chính tác động đến tăng trưởng kinh tế:

Mặc dù kết quả định lượng không có ý nghĩa thống kê, nhưng cho thấy tồn tại tác động âm của PAPI đến tăng trưởng kinh tế chung của các tỉnh. Kết quả này ủng hộ cho giả thuyết H3 và đồng thuận với các nghiên cứu trước của Kato và Sato ([Kato & Sato, 2015](#)) hay Huang ([Huang, 2016](#)) khi cho rằng nếu chất lượng phục vụ từ khu vực công không tốt có thể tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế.

6.1.3. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thông qua Chỉ số PCI tác động đến tăng trưởng kinh tế:

Mặc dù kết quả định lượng không có ý nghĩa thống kê, nhưng cho thấy tồn tại tác động dương của PCI đến tăng trưởng kinh tế chung của các tỉnh. Kết quả này ủng hộ cho giả thuyết H4, và ủng hộ cho các kết quả nghiên cứu trước của Nguyễn Thị Thùy Liên (Nguyễn, 2014), ([Giang, 2021](#)), Nguyễn Anh Tuấn và Đồng Trung Chính ([Tuấn & Chính, 2017](#)). Theo đó, chỉ số PCI nhằm đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh.

6.1.4. Về tác động của Covid đến tăng trưởng kinh tế:

Kết quả của nghiên cứu này cũng ủng hộ các nghiên cứu trước đây của Inegbedion ([Inegbedion, 2021](#)) hay Alam ([Alam et al., 2021](#)) khi cả ba mô hình đều cho thấy hệ số hồi quy của biến Covid-19 là âm và có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy có sự tác động của Covid-19 tới tăng trưởng của toàn bộ các tỉnh thành. Cụ thể, tăng trưởng GDP khi xảy ra Đại dịch Covid-19 thấp

hơn so với thời kỳ chưa có Covid-19.

Tác động điều tiết của Covid-19 tới mối liên hệ giữa của chi tiêu công và tăng trưởng

Từ kết quả hồi quy, mức độ tác động của từng loại hình chi tiêu tới tăng trưởng kinh tế trước và trong thời kỳ có Đại dịch Covid - 19 thông qua các hệ số tác động, tác giả đưa ra nhận xét như sau: Chi tiêu công làm giảm tăng trưởng trong năm đánh giá. Tuy nhiên, trước thời kỳ Đại dịch Covid - 19, mức tác động tiêu cực của chi tiêu công cao hơn so với trong thời kỳ có Đại dịch Covid - 19. Điều này thể hiện hệ độ dốc của các phương trình trước thời kỳ Đại dịch Covid - 19 cao hơn so với các phương trình trong thời kỳ có Đại dịch Covid - 19. Điều này hàm ý rằng, các chi tiêu công trong thời kỳ có Đại dịch Covid - 19 đã có những hiệu quả nhất định giúp cải thiện mức suy giảm của tăng trưởng.

6.2. Trường hợp 06 vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam

6.2.1. Phân tích Vùng 1 - Vùng Đồng bằng Sông Hồng

Kết quả hồi quy theo mô hình XTGLS của Vùng 1 cho thấy Vùng 1 là vùng kinh tế trọng điểm sôi động, đóng góp rất lớn cho GDP cả nước. Nhìn chung, các kết quả về tác động của chi tiêu công tới tăng trưởng của Vùng 1 cũng có kết quả gần tương tự như trường hợp tất cả các tỉnh thành. Tuy nhiên, có một số khác biệt đáng lưu ý như sau:

Thứ nhất, chi đầu tư phát triển tại thời kỳ có Đại dịch Covid - 19 không phải là một hoạt động cải thiện tăng trưởng của Vùng 1.

Thứ hai, độ trễ của chi thường xuyên có ảnh hưởng tới tăng trưởng lớn nhất khi hệ số hồi quy bằng 0.316 và cao hơn so với tổng chi cũng như chi đầu tư phát triển.

Thứ ba, yếu tố lao động và yếu tố năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có ảnh hưởng tới tăng trưởng của Vùng 1

6.2.2. Phân tích Vùng 2 - Vùng Trung du và miền núi phía Bắc

Kết quả hồi quy theo Mô hình XTGLS của Vùng 2 cho thấy: Vùng 2 là vùng kinh tế tương đối kém năng động và thường bao gồm tỉnh thành bị bội chi ngân sách. Qua kết quả hồi quy có hai điểm khác biệt đáng lưu ý như sau:

Thứ nhất, không nhìn thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tăng trưởng GDP trước và sau Đại dịch Covid-19.

Thứ hai, chi tiêu công trong thời kỳ Đại dịch Covid-19 cũng không cải thiện tăng trưởng.

6.2.3. Phân tích Vùng 3 - Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung

Kết quả hồi quy theo Mô hình XTGLS của Vùng 3 cho thấy: Kết quả tác động của các biến số trong mô hình không có nhiều sự khác biệt so với trường hợp toàn bộ các tỉnh thành. Tuy vậy, có một số điểm cần lưu ý như sau:

Thứ nhất, chi thường xuyên không phải là yếu tố tác động tới tăng trưởng GRDP trong ngắn hạn nhưng vẫn đóng vai trò tích cực trong dài hạn.

Thứ hai, chi thường xuyên trong thời kỳ Đại dịch Covid-19 đã góp phần lớn nhất (so với các loại hình chi còn lại) làm giảm đi tác động tiêu cực của Đại dịch Covid-19.

Thứ ba, do yếu tố địa lý phức tạp đồng thời giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong an ninh quốc phòng nên việc phát triển cơ sở hạ tầng khu vực này là một nhu cầu rất cấp bách và đòi hỏi một lượng đầu tư công rất lớn.

6.2.4. Phân tích Vùng 4 - Vùng Tây Nguyên

Kết quả hồi quy theo Mô hình XTGLS cho thấy:

Thứ nhất, chi thường xuyên không phải là yếu tố tác động tới tăng trưởng GRDP trong ngắn hạn nhưng vẫn đóng vai trò tích cực trong dài hạn.

Thứ hai, tổng chi của Vùng 4 tác động tích cực ngay cả trong ngắn hạn và trong dài hạn.

Thứ ba, mức độ đóng góp của chi tiêu vào tăng trưởng trong dài hạn (thể hiện ở độ trễ hồi quy của ba loại hình chi tiêu) đều thấp hơn so với trường

hợp tính toàn bộ các tỉnh thành và thấp hơn so với các Vùng 1, 2, 3 và 5.

Bên cạnh chi tiêu công, có một vấn đề cần làm rõ trong các nghiên cứu tiếp theo là trường hợp lao động tác động tiêu cực tới tăng trưởng.

6.2.5. Phân tích Vùng 5 - Vùng Đông Nam Bộ

Kết quả hồi quy theo Mô hình XTGLS của Vùng 5 cho thấy:

Vùng 5 là vùng kinh tế năng động bậc nhất và cũng là vùng đóng góp nhiều nhất cho tăng trưởng kinh tế cũng như ngân sách nhà nước.

Tương tự như trường hợp tất cả các tỉnh thành, tác động của chi tiêu công cũng tiêu cực trong ngắn hạn và tích cực trong dài hạn. Tăng trưởng GRDP cũng bị ảnh hưởng tiêu cực trong thời kỳ Đại dịch Covid - 19 nhưng chi tiêu công trong thời kỳ Đại dịch Covid - 19 đã góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực của Đại dịch.

Bên cạnh những yếu tố vừa nêu, có một vài điểm cần đáng lưu ý như sau:

Thứ nhất, chi thường xuyên trong thời kỳ Đại dịch đã đóng vai trò rất đáng kể trong việc cải thiện tăng trưởng GRDP. Bên cạnh đó, mức độ tác động này được coi là lớn nhất so với các vùng còn lại. Tương tự như vậy với tổng chi và sự đóng góp của chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển sẽ góp phần cải thiện rất lớn vào tăng trưởng.

Thứ hai, Vùng 5 có nguồn lao động và chất lượng của thể chế điều tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đối với tăng trưởng kinh tế.

6.2.6. Phân tích Vùng 6 - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Kết quả hồi quy theo Mô hình xtglS của Vùng 6 cho thấy:

Thứ nhất, tổng chi không có tác động trong ngắn hạn và dài hạn.

Thứ hai, chi thường xuyên làm giảm tăng trưởng GRDP trong ngắn hạn nhưng không cho thấy tác động tích cực trong dài hạn.

Thứ ba, chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển trong thời kỳ Đại dịch Covid không góp phần cải thiện hiệu ứng tiêu cực của Covid nhưng tổng chi lại góp phần cải thiện.

6.3. Phân tích tác động của sự thay đổi chu kỳ ngân sách đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam

Kết quả ước lượng bằng phương pháp Bayes như sau:

- Tác động của chi tiêu công, chi đầu tư và chi thường xuyên đến tăng trưởng kinh tế (Y): các kết quả tác động tương tác khi thay đổi Luật ngân sách nhà nước năm 2015 cho thấy kể cả tổng chi tiêu công, chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên đều có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả phân tích này, cùng với các kết quả phân tích bên trên không ủng hộ cho giả thuyết H1. Kết quả này trái với các kết quả trước đó của Phạm Thế Anh (Anh, 2008); Hoàng Thị Chinh Thon và cộng sự ([Thon, Hương, & Thủy, 2010](#)), Nguyễn Hoàng Quy ([Quy, 2017](#)); Trần Thị Kim Oanh ([Oanh, 2020](#)).

6.4. Phân tích ngưỡng chi tiêu công tối ưu tại 06 vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam

6.4.1. Kết quả kiểm định hiệu ứng ngưỡng

- + Ngưỡng chi tiêu công cho Việt Nam là 20,56% (mô hình 1),
- + Ngưỡng chi tiêu công là 20,96% cho vùng Đồng bằng Sông Hồng (Mô hình 2 – Vùng 1),
- + Ngưỡng chi tiêu công là 28,59% cho vùng Trung du và miền núi phía Bắc (Mô hình 3 – Vùng 2),
- + Ngưỡng chi tiêu công là 20,33% cho vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung (Mô hình 4 – Vùng 3),
- + Ngưỡng chi tiêu công là 31,43% cho vùng Tây Nguyên (Mô hình 5 – Vùng 4),

+ Ngưỡng chi tiêu công là 5,26% cho Vùng Nam Bộ (Mô hình 6 – Vùng 5)

+ Ngưỡng chi tiêu công là 25,52% cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Mô hình 7 – Vùng 6).

6.4.2. Tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế của quốc gia và 06 vùng kinh tế - xã hội ở các miền trước và sau giá trị ngưỡng chi tiêu công tối ưu

Tiếp theo, tác giả sử dụng phương pháp GMM để ước lượng tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế ở các miền trước và sau giá trị ngưỡng, kết quả ước lượng cho thấy kết quả ước lượng các mô hình nghiên cứu theo phương pháp GMM đều có ý nghĩa thống kê. Đồng thời, kiểm định Sargan và kiểm định Arellano-Bond ở các mô hình này đều phù hợp. Tác động cụ thể của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế ở các mô hình như sau:

- **Mô hình 1 (mẫu dữ liệu cả nước):** Chi tiêu công tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế khi chi tiêu công vượt quá ngưỡng 20,56%. Tuy nhiên, khi chi tiêu công thấp hơn giá trị ngưỡng 20,56%, tác giả chưa tìm thấy bằng chứng về tác động có ý nghĩa thống kê của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế. Như vậy, chi tiêu công chỉ tạo ra tác động đáng kể đến tăng trưởng kinh tế khi chi tiêu công vượt quá giá trị ngưỡng 20,56%. Hay nói cách khác, với mẫu dữ liệu cả nước, chi tiêu công có thể kích thích tăng trưởng kinh tế khi chi tiêu công vượt quá giá trị ngưỡng 20,56%.

- **Mô hình 2 (Vùng 1):** Tác giả tìm thấy bằng chứng về tác động tiêu cực của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế ở các miền trước và sau giá trị ngưỡng 20,96%. Tuy nhiên, khi chi tiêu công vượt quá giá trị ngưỡng 20,96%, mức độ tác động tiêu cực của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm dần (từ -1,022 xuống -0,561). Điều này cho thấy, với mẫu dữ liệu Vùng 1, chi tiêu công có thể gây cản trở tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên sự cản trở này giảm đáng kể khi chi tiêu công vượt quá giá trị ngưỡng 20,96%.

- **Mô hình 3 (Vùng 2):** Tác giả tìm thấy bằng chứng về tác động tích cực của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế ở các miền trước và sau giá trị ngưỡng 28,59%. Tuy nhiên, mức độ tác động tích cực này giảm đáng kể khi chi tiêu công vượt quá giá trị ngưỡng 28,59% (từ 0,379 xuống 0,090). Như vậy, với mẫu dữ liệu Vùng 2, chi tiêu công có thể tạo ra tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là khi chi tiêu công được duy trì ở mức dưới giá trị ngưỡng 28,59%.

- **Mô hình 4 (Vùng 3):** Chi tiêu công tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế ở các miền trước và sau giá trị ngưỡng 20,33%. Tuy nhiên, mức độ tác động tích cực này giảm đáng kể khi chi tiêu công vượt quá giá trị ngưỡng 20,33% (từ 3,531 xuống 1,612). Điều này cho thấy, với mẫu dữ liệu Vùng 3, chi tiêu công có thể tạo ra tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế ở các miền trước và sau giá trị ngưỡng, tác động tích cực này tỏ ra mạnh mẽ khi chi tiêu công được duy trì ở mức dưới giá trị ngưỡng 20,33%.

- **Mô hình 5 (Vùng 4):** Tác giả tìm thấy bằng chứng về tác động tích cực của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế khi chi tiêu công vượt quá giá trị ngưỡng 31,43%. Tuy nhiên, khi chi tiêu công thấp hơn giá trị ngưỡng 31,43%, tác giả chưa tìm thấy bằng chứng về tác động có ý nghĩa thống kê của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế. Do đó, với mẫu dữ liệu Vùng 4, chi tiêu công có thể tạo ra tác động tích cực đáng kể đến tăng trưởng kinh tế khi chi tiêu công vượt quá giá trị ngưỡng 31,43%.

- **Mô hình 6 (Vùng 5):** Chi tiêu công có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế khi chi tiêu công vượt quá ngưỡng 5,26%. Tuy nhiên, tác giả chưa tìm thấy tác động có ý nghĩa thống kê của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế khi chi tiêu công thấp hơn giá trị ngưỡng này. Do vậy, với mẫu dữ liệu Vùng 5, chi tiêu công có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khi chi tiêu công vượt quá giá trị ngưỡng 5,26%.

- **Mô hình 7 (Vùng 6):** Tác giả tìm thấy bằng chứng về tác động tiêu

cực của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế khi chi tiêu công được duy trì ở mức dưới giá trị ngưỡng 25,52%. Khi chi tiêu công vượt quá giá trị ngưỡng này, tác giả chưa tìm thấy tác động có ý nghĩa thống kê của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế. Điều này cho thấy, với mẫu dữ liệu Vùng 6, chi tiêu công có thể gây cản trở tăng trưởng kinh tế, tác động này thể hiện rõ ràng khi chi tiêu công được duy trì ở mức dưới giá trị ngưỡng 25,52%.

Vậy, kết quả ước lượng cho thấy chi tiêu công có tác động đáng kể đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, mức độ tác động này là khác nhau giữa các vùng. Hơn nữa, tồn tại giá trị ngưỡng của chi tiêu công ở mỗi vùng. Trong đó, tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế là khác nhau ở các miền trước và sau giá trị ngưỡng của chi tiêu công. Các kết quả nghiên cứu này ủng hộ cho giả thuyết H2, cho rằng ***tồn tại giá trị ngưỡng giữa chi tiêu công với tăng trưởng kinh tế cho các vùng/địa phương tại Việt Nam***. Kết quả này ủng hộ lý thuyết đường cong của Richard Rahn (1986), cũng ủng hộ theo một số nghiên cứu trước Sử Đình Thành (Thành, 2013); Karagianni và cộng sự (Karagianni, Pempetzoglou, & Saraidaris, 2019).

Khi so sánh tỉ lệ chi tiêu công thực tế và ngưỡng tối ưu, tác giả rút ra kết luận: Vùng 1 hiện có mức chi 21,19% vượt ngưỡng nhưng so với miền giá trị tác động tích của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế thì Vùng 1 nên duy trì mức chi này. Vùng 2 và Vùng 3 có tỷ lệ chi tiêu công/GRDP vượt ngưỡng tối ưu và càng tăng chi càng không hiệu quả và đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến chi tiêu công và các thành phần chi tiêu công đều tác động âm đến tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn phân tích. Vùng 4 và Vùng 6 hiện nay tỷ lệ chi cũng nằm trong miền tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, miền tác động tích cực là vượt ngưỡng chi tiêu tối ưu. Còn Vùng 5 thì tỷ lệ chi đang nằm trong miền tác động tích cực của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế.

Tóm lại, qua phân tích cả định tính và định lượng đều cho thấy tác động của chi tiêu công và các thành phần của chi tiêu công chưa có tác động tích

cực đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là chi đầu tư phát triển. Kết quả này khá phù hợp với thực tế tại các địa phương của các quốc gia đang phát triển và cũng phù hợp với các nhận định trước đó (Engen & Skinner, 1992; Landau, 1985); Grier & Tullock, 1989; Barro, 1990; Hansson & Henrekson, 1994; Guseh, 1997; Fölster & Henrekson, 1999, 2001; Dar & AmirKhalkhali, 2002; Schaltegger & Torgler, 2006; Romero-Avila & Strauch, 2008; Afonso & Furceri, 2010; Butkiewicz & Yanikkaya, 2011; Hajamini & Falahi, 2018). Kết quả này cũng phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương Việt Nam. Mặt khác, mỗi địa phương có những đặc thù khác nhau về địa lý và một số vùng không có tiềm năng phát triển kinh tế nên việc đầu tư chưa hiệu quả.

Tiếp đến Đại dịch Covid - 19 tác động rất lớn đến hoạt động kinh tế xã hội, do vậy nhà nước phải tăng chi tiêu công để đối phó dịch bệnh, đầu tư chống dịch trong khi nền kinh tế toàn cầu tê liệt đã làm đầu tư giảm hiệu quả.

Điều này cũng được chứng minh qua kết quả phân tích tác động của sự thay đổi Luật ngân sách nhà nước năm 2015, một số vùng sự thay đổi Luật ngân sách nhà nước có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế cho vùng nhưng cũng có những vùng chưa có tác động tốt đến thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho địa phương. Chính vì vậy, việc điều hành và quản lý ngân sách nhà nước nói chung, đặc biệt là chi tiêu công cần có rà soát đánh giá để giao nhiệm vụ trọng tâm cho từng tỉnh, từng vùng để phát huy được thế mạnh và sử dụng vốn hiệu quả.

Mặt khác, qua kết quả hồi quy ngưỡng với tổng chi tiêu công cho thấy các tỷ lệ chi của các vùng hầu hết đều nằm trong ngưỡng chi tiêu công tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến chi không hiệu quả, chi tiêu công chèn lấn nguồn vốn của tư nhân. Điều này được thể hiện qua kết quả hồi quy về tỷ lệ chi đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (gồm vốn của tư nhân và nguồn vốn FDI)/GRDP có mức tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế với mức tác động là khá lớn. Điều này hoàn toàn phù

hợp với lý thuyết của Solow ([Solow, 1957](#)) và phù hợp với các nghiên cứu trước ([Landau, 1985](#); [Grier & Tullock, 1989](#); [Barro, 1990](#); [Hansson & Henrekson, 1994](#); [Guseh, 1997](#); [Fölster & Henrekson, 1999, 2001](#); [Dar & AmirKhalkhali, 2002](#); [Schaltegger & Torgler, 2006](#); [Romero-Avila & Strauch, 2008](#); [Afonso & Furceri, 2010](#); [Butkiewicz & Yanikkaya, 2011](#); [Hajamini & Falahi, 2018](#)). Xét về thực tế thì kết quả này hoàn toàn phù hợp với chủ trương đường lối Đảng, Nhà nước Việt Nam trong suốt hơn 36 năm phát triển sau năm 1986. Ngoài ra, xét về bối cảnh kinh tế giai đoạn nghiên cứu thì kết quả cũng khá phù hợp vì sự thay đổi Luật ngân sách nhà nước năm 2015 luôn có độ trễ nghĩa là chi đầu tư phát triển trong năm đầu chưa phát huy được tác dụng nhưng sau 3 năm thì chi đầu tư phát triển mới có ảnh hưởng thúc đẩy kinh tế địa vùng phát triển. Tuy nhiên sau 4 năm áp dụng Luật ngân sách nhà nước mới thì một cú sốc kinh tế vĩ mô (Đại dịch Covid – 19) làm tê liệt mọi hoạt động của nền kinh tế trong khi đó ngân sách nhà nước phải chi nhiều hơn cho y tế, cho người dân để vượt qua dịch bệnh. Thu ngân sách nhà nước giảm nghiêm trọng trong giai đoạn dịch bệnh, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến kết quả chi tiêu công tác động âm đến tăng trưởng kinh tế.

Xét về góc độ lý thuyết thì kết quả nghiên cứu của tác giả là phù hợp. Cụ thể:

+ Theo lý thuyết tân cổ điển được phát triển bởi mô hình Solow ([Solow, 1956](#)) chứng minh tăng trưởng kinh tế dựa yếu tố cung và yếu tố cầu, nếu khai thác tốt sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ngược lại. Việt Nam đang rơi vào tình trạng sử dụng cung cầu chưa hiệu quả.

+ Nhà kinh tế học Richard Rahn (1986) đã đưa ra biểu đồ biểu hiện mối quan hệ giữa quy mô chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế. Nếu chi tiêu công vượt ngưỡng tối ưu thì lúc này chi tiêu công tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả hồi quy ngưỡng cho thấy các vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam mức chi tiêu công/GRDP đang nằm trong vùng tác động tiêu cực của chi

tiêu công đã tác động âm đến tăng trưởng kinh tế.

7. Hàm ý chính sách

7.1. Kết luận

Sau khi nghiên cứu luận án có các kết luận như sau:

Thứ nhất, ba biến số như tổng chi tiêu công, chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển ở thời điểm hiện tại đều tác động âm và có ý nghĩa thống kê tới tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, độ trễ của ba biến lại cho thấy tác động dương và có ý nghĩa thống kê. Điều này hàm ý Chính phủ sử dụng nguồn lực ở hiện tại để chi tiêu và nguồn lực này chưa lan tỏa được hiệu ứng ngay nên các hoạt động chi tiêu ở hiện tại có thể coi là chi phí và góp phần làm giảm tăng trưởng kinh tế hoặc những khoản chi này đã tạo ra hiệu ứng lán át khu vực tư. Tuy nhiên, sau một thời gian, những chi tiêu đã thâm thấu vào nền kinh tế và tạo ra hiệu ứng tích cực tới tăng trưởng kinh tế.

Thứ hai, xét tới yếu tố Covid-19. Trước thời kỳ xảy ra Đại dịch Covid-19, mức tác động tiêu cực của chi tiêu công cao hơn so với trong thời kỳ có Đại dịch Covid-19. Điều này thể hiện hệ độ dốc của các phương trình trước thời kỳ Đại dịch Covid - 19 cao hơn so với các phương trình trong thời kỳ có Đại dịch Covid - 19. Điều này hàm ý rằng, các chi tiêu công trong thời kỳ có Đại dịch Covid - 19 đã có những hiệu quả nhất định giúp cải thiện mức suy giảm của tăng trưởng.

Thứ ba, qua kết quả phân tích hồi quy của 6 vùng kinh tế - xã hội, có thể nhận thấy một số điểm chung và một số điểm khác biệt về tác động của chi tiêu công tới tăng trưởng của từng vùng miền như sau: Trong ngắn hạn, chi tiêu công tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên có một số ngoại lệ như sau: (i) Chi thường xuyên không thể hiện bất cứ ảnh hưởng nào ở Vùng 3 cũng như Vùng 4, (ii) Tổng chi tiêu công có ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng kinh tế tại Vùng 4 và (iii) Tổng chi tiêu công không tác động tới tăng trưởng kinh tế tại Vùng 6. Như vậy, loại hình chi đầu tư phát triển có mẫu

hành tác động trong ngắn hạn là giống nhau tại tất cả các vùng kinh tế - xã hội. Trong dài hạn, các loại hình chi tiêu công đều thể hiện tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế ngoại trừ Vùng 6. Xét tại bối cảnh tác động của Đại dịch Covid - 19, có thể nhận thấy một mẫu hình chung là tăng trưởng kinh tế có xu hướng tăng trước thời kỳ có Đại dịch Covid - 19 và suy giảm trong thời kỳ có Đại dịch Covid - 19. Bên cạnh đó, mức độ ảnh hưởng của từng loại hình chi tiêu công không đồng nhất ở từng vùng kinh tế - xã hội và theo từng thời kỳ.

7.2. Gợi ý chính sách

7.2.1. Hàm ý lý thuyết

Qua các kết quả phân tích, nghiên cứu này đã có một số đóng góp nhất định về mặt lý thuyết như sau:

Thứ nhất, góp phần đóng góp vào hiểu biết chung về tác động của chi tiêu công tới tăng trưởng kinh tế bằng cách phân tích một trường hợp điển hình là Việt Nam.

Thứ hai, bổ sung thêm các phân tích theo không gian địa lý kinh tế, cụ thể là phân tích theo 6 vùng miền để tìm hiểu sự giống và khác biệt về tác động của chi tiêu công tới tăng trưởng kinh tế giữa các vùng miền trong cùng một nền kinh tế.

Thứ ba, xem xét ảnh hưởng của các cú sốc, cụ thể là ảnh hưởng của Đại dịch Covid - 19 tới mối liên hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế trong trường hợp cụ thể là Việt Nam: Chi tiêu công trong thời kỳ Đại dịch Covid - 19 đã góp phần ngăn đà suy giảm tăng trưởng kinh tế.

Thứ tư, khảo sát tác động ngắn hạn và tác động dài hạn của chi tiêu công tới tăng trưởng kinh tế. Các kết quả ngắn hạn cho thấy chi tiêu công tác động tiêu cực do hiệu ứng lấn át khu vực tư nhân nhưng các kết quả dài hạn đã cho thấy kết quả tác động tích cực. Điều này hàm ý rằng sau một thời gian,

chi tiêu công đã thâm thấu vào nền kinh tế và tạo ra hiệu ứng tích cực tới tăng trưởng kinh tế.

7.2.2. Đề xuất các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại các địa phương của Việt Nam

7.2.2.1. Đề xuất các giải pháp về chi tiêu công

Giải pháp về chi tiêu công cho Vùng 1: Điều chỉnh chi tiêu công phù hợp với ngưỡng chi tối ưu

Theo kết quả nghiên cứu thì chi tiêu công tại các tỉnh Đồng bằng Sông Hồng không có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế và ngưỡng tối ưu của chi tiêu công là 20.96%. Các tỉnh: Thủ đô Hà Nội, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên có mức chi chưa tới ngưỡng thì trong giai đoạn tiếp theo có thể tăng chi ngân sách cho các để phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Các tỉnh còn lại đã có mức chi lớn hơn 20,96% GRDP thì cần kiểm soát chi để tăng hơn hiệu quả việc sử dụng các khoản chi ngân sách nhà nước và huy động nguồn vốn ngoài nhà nước cho phát triển kinh tế xã hội.

Giải pháp về chi tiêu công cho Vùng 2: Điều chỉnh chi tiêu công phù hợp với ngưỡng chi tối ưu

Theo kết quả nghiên cứu thì chi tiêu công tại các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế và ngưỡng chi tiêu công tối ưu là 28.59%. Như vậy, hầu hết các tỉnh đều có mức chi vượt ngưỡng tối ưu do đó chi tiêu công có tác động âm đến tăng trưởng kinh tế. Trong giai đoạn tiếp theo các tỉnh gồm Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lạng Sơn cần kiểm soát và không tăng chi ngân sách nhà nước mới tối ưu hóa phát triển kinh tế cho vùng này.

Giải pháp về chi tiêu công cho Vùng 3: Điều chỉnh chi tiêu công phù hợp với ngưỡng chi tối ưu

Theo kết quả nghiên cứu thì tổng chi tiêu công tại các tỉnh Duyên hải miền Trung có tác động tiêu cực trong ngắn hạn đến tăng trưởng kinh tế và

ngưỡng chi tiêu công là 20.33%/GRDP. Đối với các tỉnh có mức chi cao hơn ngưỡng 20,33% cần giảm chi tiêu công đồng thời huy động nguồn vốn ngoài nhà nước cho phát triển kinh tế giai đoạn tiếp theo để đảm bảo tối ưu hóa tăng trưởng kinh tế cho Vùng 3.

Giải pháp về chi tiêu công cho Vùng 4: Điều chỉnh chi tiêu công phù hợp với ngưỡng chi tối ưu

Theo kết quả nghiên cứu thì chi tiêu công tại các tỉnh Tây Nguyên có tác động tiêu cực trong ngắn hạn đến tăng trưởng kinh tế và ngưỡng chi tiêu công tối ưu là 31.43%. Như vậy trong giai đoạn phát triển kinh tế xã hội tiếp theo các tỉnh như Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng cần tăng chi ngân sách để phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đồng thời kiểm soát tốt hơn các khoản chi để tăng hiệu quả chi tiêu công trong giai đoạn tới.

Giải pháp về chi tiêu công cho Vùng 5: Điều chỉnh chi tiêu công phù hợp với ngưỡng chi tối ưu

Theo kết quả nghiên cứu thì chi tiêu công tại các tỉnh vùng Đông Nam Bộ có tác động tiêu cực trong ngắn hạn đến tăng trưởng kinh tế và ngưỡng chi tiêu công tối ưu là 5.26%. Theo số liệu trung bình mức chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2021 thì cơ bản các tỉnh đều có mức chi trung bình lớn hơn 5,26%. Như vậy không nên tăng tỷ trọng chi ngân sách nhà nước mà phải huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước. Đồng thời trong giai đoạn tiếp theo để nâng cao hiệu quả chi tiêu công thì các tỉnh vùng Đông Nam Bộ cần kiểm soát các hoạt động chi tốt hơn để tăng hơn hiệu quả việc sử dụng các khoản chi ngân sách nhà nước.

Giải pháp về chi tiêu công cho Vùng 6: Điều chỉnh chi tiêu công phù hợp với ngưỡng chi tối ưu

Theo kết quả nghiên cứu thì chi tiêu công tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong ngắn hạn không có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế và mức chi tiêu công tối ưu là 25.52%. Như vậy đa phần các tỉnh tại

Vùng 6 đều có mức chi dưới ngưỡng, như vậy vấn đề không hiệu quả của chi ngân sách nhà nước là do khâu quản lý và sử dụng tại các tỉnh Vùng 6.

7.2.2.2. Đề xuất các giải pháp để thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

Thứ nhất: Bổ sung thêm các công cụ tài chính để huy động vốn từ khu vực tư nhân.

Trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp 4.0, việc triển khai các dự án tiên phong như tiết kiệm năng lượng, công nghệ 4.0, công nghệ thông minh và điều khiển tự động mang đến nhiều rủi ro đáng kể. Vì vậy, Chính phủ có thể áp dụng các biện pháp tài chính cụ thể để khuyến khích đầu tư từ phía khu vực tư nhân vào phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Thứ hai: Các giải pháp cần triển khai để thu hút vốn FDI.

Một số giải pháp để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhằm tăng cường chi tiêu công, và những giải pháp này bao gồm: Nâng cao chất lượng hạ tầng, quy định hành chính và thủ tục liên quan để cải thiện môi trường đầu tư. Điều này bao gồm việc đơn giản hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp, thủ tục hải quan, thuế và bảo hiểm xã hội. Nhờ những cải tiến này, năng lực cạnh tranh của quốc gia sẽ được nâng cao so với các đối thủ trong khu vực. Điều chỉnh chính sách nhằm giảm thiểu rủi ro trong đầu tư công nghệ và tài chính cho các doanh nghiệp FDI.

7.2.2.3. Đề xuất các giải pháp về phát triển lực lượng lao động

Theo kết quả nghiên cứu thì lao động có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại các địa phương do đó trong thời gian tới Việt Nam phải tiếp tục tận dụng thời gian còn lại của thời kỳ dân số vàng để bứt phá trong phát triển kinh tế, để đạt được mục tiêu này cần thực hiện các giải pháp như sau: (1) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; (2) Tích cực đổi mới, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; (3) Xây dựng và hoàn thiện chiến lược tổng thể phát triển nguồn nhân lực

chất lượng cao trong thời kỳ mới; (4) Đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện, đồng bộ giáo dục - đào tạo.

7.2.2.4. Đề xuất các giải pháp về cải cách thể chế trong chi tiêu công **Thứ nhất, cải cách thể chế đối với lĩnh vực chi thường xuyên**

Đầu tư vào công nghệ thông tin: Việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý chi thường xuyên giúp giảm thiểu thủ tục, tối ưu hóa chi phí và nâng cao tính minh bạch. Việc đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo nhân lực về công nghệ thông tin là những giải pháp cần thiết để cải thiện thể chế trong lĩnh vực này.

Áp dụng quản lý chi ngân sách theo hướng dự án: Việc áp dụng phương pháp quản lý chi ngân sách theo hướng dự án giúp tăng tính minh bạch và hiệu quả của các khoản chi, đồng thời giúp quản lý ngân sách được tập trung hơn và tránh lãng phí.

Thực hiện đánh giá hiệu quả chi thường xuyên: Để tối ưu hóa quản lý chi thường xuyên, Việt Nam cần thực hiện đánh giá hiệu quả của các khoản chi, từ đó có những điều chỉnh phù hợp, giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Tăng cường trách nhiệm của cơ quan quản lý ngân sách: Các cơ quan quản lý ngân sách cần phải có trách nhiệm rõ ràng và giám sát chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo tính minh bạch và tránh lãng phí ngân sách.

Nâng cao nhận thức của cán bộ về quản lý chi thường xuyên: Việc đào tạo và nâng cao nhận thức cho cán bộ về quản lý chi thường xuyên là một trong những giải pháp cần thiết để cải thiện thể chế trong lĩnh vực này.

Thứ hai, cải cách thể chế đối với lĩnh vực chi đầu tư phát triển

Tăng cường sự minh bạch và tài trợ cho các dự án đầu tư: Chính phủ Việt Nam có thể áp dụng các cơ chế và quy định để đảm bảo sự minh bạch và tài trợ cho các dự án đầu tư.

Thúc đẩy sự cạnh tranh giữa các nhà đầu tư: Việc tạo điều kiện để các nhà đầu tư cạnh tranh với nhau sẽ giúp giảm chi phí đầu tư và tăng NS, đồng thời cũng sẽ đẩy mạnh sự tiến bộ công nghệ trong lĩnh vực đầu tư.

Đẩy mạnh sự hợp tác công tư: Chính phủ Việt Nam cần tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tư nhân và nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào các dự án đầu tư công.

Tăng cường sự quản lý và giám sát: Chính phủ Việt Nam cần tăng cường sự quản lý và giám sát đối với các dự án đầu tư để đảm bảo sự tiến độ và chất lượng của các dự án. Điều này sẽ giúp tăng sự tin tưởng của các nhà đầu tư và đảm bảo rằng các dự án đầu tư sẽ mang lại lợi ích cho cả xã hội và kinh tế đất nước.